



CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THEO THÔNG TƯ 41/2016-NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng tải 6 tháng một lần (theo quy định) hoặc sớm hơn, tại website của ngân hàng theo đường dẫn:

<https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info>

Cam kết của Ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NỘI DUNG

TỔNG QUAN

Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Nội dung công bố thông tin

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Phương pháp quản trị và tính toán

VỐN TỰ CÓ

Cấu trúc vốn tự có

Tình hình vốn tự có

Phương pháp quản trị và tính toán

RỦI RO TÍN DỤNG

Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Chính sách về quản trị rủi ro thị trường

Công bố thông tin về rủi ro thị trường

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về VIB

Quản trị rủi ro và các hệ số an toàn của VIB

Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo

TỔNG QUAN

1 Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đảm bảo tính an toàn của hoạt động ngân hàng và tạo ra sự phòng vệ trước những rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tháng 12 năm 2016, Thông tư 41/2016/TT-NHNN được chính thức ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thông tư 41 quy định về phần lớn nội dung của hai trong ba trụ cột Basel II: Hệ số an toàn vốn (CAR) và Công bố thông tin (Disclosure of information). Thông tư cung cấp cho các ngân hàng hướng dẫn rõ ràng và cụ thể về cách tính CAR, ở đó rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường đều được cân nhắc tới. Bên cạnh việc đưa ra các quy định và hướng dẫn, Thông tư 41 cũng phần nào thúc đẩy các ngân hàng tìm ra những chiến lược và mục tiêu kinh doanh ít rủi ro hơn, cũng như dành ưu tiên cho những khoản vay đủ điều kiện áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tại Việt Nam, tháng 5 năm 2018, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ đối của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có cấu

phần quy định về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) thuộc trụ cột 2 của Basel II.

Có thể thấy, với việc ban hành Thông tư 41 năm 2016 và Thông tư 13 năm 2018, NHNN đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để triển khai Chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn với đầy đủ cả 3 trụ cột, đồng thời đưa ra lộ trình phù hợp để thực hiện các mục tiêu về áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế mà Chính phủ và Quốc hội đề ra.

Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 – Thông tư 41, tối thiểu 6 tháng/lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 – Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2021, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

2

Hệ số an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12,5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;
- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;
- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;
- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên

tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, Hội đồng Vốn nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

Tỷ lệ an toàn vốn	30/06/2021 tỷ đồng, %	31/12/2020 tỷ đồng, %
Báo cáo hợp nhất		
Vốn tự có	23,291	20,022
Vốn cấp 1	21,045	17,972
Vốn cấp 2	2,265	2,070
Các khoản giảm trừ	19	20
Tổng tài sản có rủi ro	225,243	197,930
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	199,791	178,257
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	789	399
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	178	29
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,795	1,513
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.34%	9.08%
Tỷ lệ an toàn vốn	10.34%	10.12%
Báo cáo riêng lẻ		
Vốn tự có	23,258	19,994
Vốn cấp 1	21,012	17,944
Vốn cấp 2	2,265	2,070
Các khoản giảm trừ	19	20
Tổng tài sản có rủi ro	225,019	197,962

	30/06/2021 tỷ đồng, %	31/12/2020 tỷ đồng, %
Tỷ lệ an toàn vốn		
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	199,953	178,398
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	789	399
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	178	29
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,764	1,504
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.34%	9.06%
Tỷ lệ an toàn vốn	10.34%	10.10%

VỐN TỰ CÓ

3

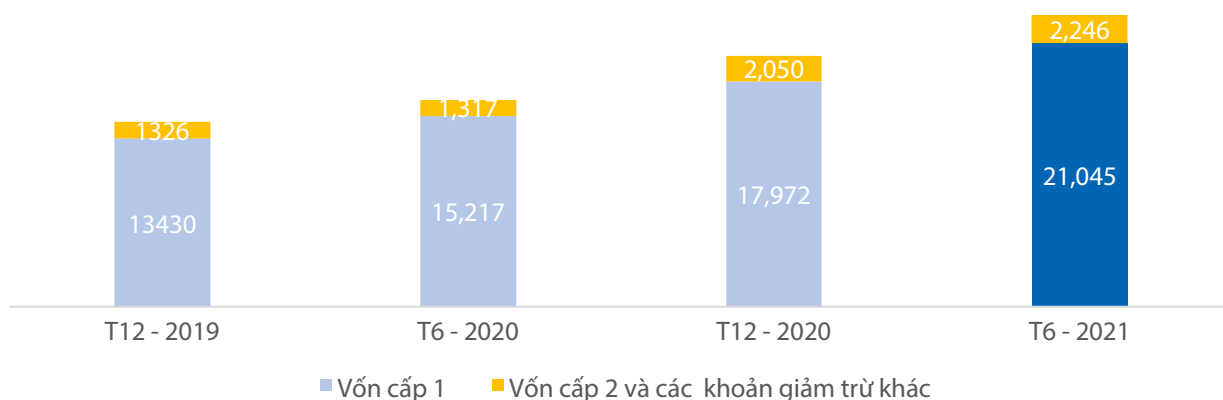
Quản trị vốn tự có

3.1. Cấu trúc vốn tự có

Công cụ vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 30/06/2021 chỉ bao gồm cổ phiếu thường. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ như cổ phiếu ưu đãi cổ tức và các công cụ vốn chủ sở hữu khác đáp ứng theo điều kiện Thông tư 41.

3.2. Tình hình vốn tự có

Vốn tự có của VIB có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm đến từ sự tăng trưởng bền vững từ vốn cấp 1.



3.3. Phương pháp quản trị và tính toán

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ Lục 1 Thông tư 41. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB đã lập các phương án tăng vốn khác nhau nhằm phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản của Ngân hàng dưới sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước. VIB đã và đang xây dựng, triển khai các kế hoạch nhằm tăng vốn tự có, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế thông qua các giải pháp:

- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thường trích từ lợi nhuận giữ lại và các quỹ;
- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới;
- Tăng vốn cấp 2 từ việc phát hành trái phiếu;

Để đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn tối thiểu (ICAAP) cho 3 năm tiếp theo. Công tác này được thực hiện định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần nhằm đảm bảo mức đủ vốn duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

RỦI RO TÍN DỤNG

4

Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro tín dụng

4.1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro tín dụng trong 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc (TGD) sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

VIB áp dụng mô hình phê duyệt tín dụng như sau:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL): VIB giao hạn mức thẩm quyền phê duyệt với hạn mức hợp lý cho các cá nhân thuộc Khối NHBL. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 3 tháng/ lần, thông qua bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Với các hạn mức cao hơn, sẽ được phê duyệt từ Cấp Ủy ban tín dụng (UBTD) trở lên.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB cấp hạn mức thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân tại Khối KHDN cho 1 số sản phẩm đặc thù có chọn lọc. Ngoài hạn mức thẩm quyền này, VIB thực hiện phê duyệt tập trung từ cấp UBTD trở lên.

4.2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

Để quản lý chất lượng tài sản đảm bảo (TSDB), VIB hầu hết sử dụng dịch vụ định giá của VIB AMC, bên thứ ba để thực hiện định giá TSDB và chỉ giao thẩm quyền định giá cho đơn vị kinh doanh với tài sản ít rủi ro và hạn mức thấp. Ngân hàng cũng từng bước tiếp tục tập trung hóa công tác định giá cho VIB AMC, giảm dần định giá từ bên thứ ba.

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kết hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cho vay bán lẻ. Các báo cáo quản trị phân tích danh mục đang từng bước hoàn thiện. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

Tài sản có rủi ro tín dụng	30/06/2021 tỷ đồng	31/12/2020 tỷ đồng	Thay đổi %
Báo cáo hợp nhất			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	199,791	178,257	12%
Khoản phải đòi Chính Phủ	14	14	3%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	40,345	30,249	33%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	32,920	38,008	-13%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	8,272	7,173	15%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	11,469	10,071	14%
Khoản phải đòi Bán lẻ	100,300	87,157	15%
Nợ xấu	3,571	3,372	6%
Các loại tài sản khác	2,900	2,213	31%
Báo cáo riêng lẻ			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	199,953	178,398	12%
Khoản phải đòi Chính Phủ	14	14	3%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	40,345	30,249	33%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	32,920	38,008	-13%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	8,272	7,173	15%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	11,469	10,071	14%
Khoản phải đòi Bán lẻ	100,300	87,157	15%
Nợ xấu	3,571	3,372	6%
Các loại tài sản khác	3,062	2,354	30%

4.3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Việc quy đổi thứ hạng tín nhiệm được thực hiện theo quy định của NHNN tại điều 5 thông tư 41.

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-
B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caa1 và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

Tại kỳ báo cáo 30/06/2021, các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín

nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

30/06/2021 31/12/2020

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	tỷ đồng	tỷ đồng
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa			
AAA, AA+, AA, AA-	0%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	53	36
BBB+, BBB, BBB-	50%	36	20
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-	80%	11,094	5,955
B+, B, B-	100%	24,347	19,385
Dưới B- hoặc Không có xếp	150%	1,740	2,021
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)			
AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	20%	-	-
BB+, BB, BB-	40%	303	698
B+, B, B-	50%	2,158	1,957
Dưới B- hoặc Không có xếp	70%	615	177

4.4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	30/06/2021 tỷ đồng	31/12/2020 tỷ đồng	Thay đổi %
Tổng	196,891	176,044	12%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1,407	1,662	-15%
Thương mại, sản xuất và chế biến	24,508	27,116	-10%
Xây dựng	1,674	1,543	8%
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	1,334	1,477	-10%
Cá nhân và các ngành nghề khác	167,968	144,246	16%

4.5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Tại thời điểm 30/06/2021, danh mục rủi ro tín dụng của VIB được giảm thiểu bằng 02 biện pháp chính là sử dụng tài sản đảm bảo và thực hiện bù trừ nội bảng. Ngân hàng chưa phát sinh các

khoản cho vay được bảo lãnh bởi bên thứ 3 hay sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng.

Danh mục tài sản đảm bảo và bù trừ nội bảng tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Thông tư 41.

	30/06/2021		31/12/2020	
	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng
Giảm thiểu rủi ro tín dụng				
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng, trong đó:	200,535	196,891	202,942	176,044
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	1,163	301	3,444	1,482
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	4,074	1,972	110	108
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	-	-	-
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-	-	-
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	195,298	194,618	199,388	174,455

4.5. Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

	30/06/2021	31/12/2020	Thay đổi
	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác			
Tổng	789	399	390
Giao dịch tự doanh	730	301	429
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	-	-	-
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	56	95	(38)
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác	3	3	(0)

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

5

Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro hoạt động

5.1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Với chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, quy định hạn mức và quy định quản lý RRHD đã được ban hành, tuân thủ theo quy định của NHNN, các Khối/ Ban tại VIB đã triển khai và thực hiện nhất quán theo đúng quy định. Trong đó quy định quản lý rủi ro hoạt động xây dựng trên mô hình 3 tuyến bảo vệ cùng với các công cụ đo lường, phương án kiểm soát, cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro hoạt động đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Cơ chế trao đổi thông tin được thiết lập và vận hành một cách hiệu quả giữa 3 tuyến bảo vệ giúp các sự cố rủi ro hoạt động được cập nhật liên tục và phân tích để đưa ra các chốt chặn kiểm soát, các phương án khắc phục kịp thời giảm thiểu tối đa các rủi ro xảy ra. Tổn thất rủi ro hoạt động bao gồm cả tổn thất tài chính và phi tài chính được giám sát thường xuyên đảm bảo không vượt quá giới hạn cũng như hạn mức đã ban hành.

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Việc xây dựng và kiểm thử kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) cho ngân hàng được thực hiện đầy đủ, bao gồm các phòng/ ban hội sở chính và các chi nhánh/ phòng giao dịch, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh luôn được thực hiện liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, đặc biệt kế hoạch đã được triển khai thành công để ứng phó với dịch bệnh Covid-19 vừa qua.

5.3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 quý (quý gần nhất và quý tương ứng của 2 năm liền kề trước năm tính toán). Chỉ số kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41.

	30/06/2021	31/12/2020	Thay đổi
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	tỷ đồng	tỷ đồng	%
Báo cáo hợp nhất			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,795	1,513	19%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	15,907	13,059	22%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	11,190	9,715	15%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	8,803	7,482	18%
Báo cáo riêng lẻ			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,764	1,504	17%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	15,375	12,985	18%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	11,126	9,659	15%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	8,781	7,436	18%

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

6

Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro thị trường

6.1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường được xây dựng cho từng thời kỳ từ 3-5 năm, đảm bảo phù hợp với môi trường và chiến lược kinh doanh của VIB. Chính sách đưa ra các nguyên tắc quản trị rủi ro thị trường, nguyên tắc phòng ngừa và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thị trường.

Tổng giám đốc phê duyệt các hạn mức rủi ro thị trường dựa trên tham mưu, tư vấn của Hội Đồng Rủi ro. Việc tuân thủ hạn mức nội bộ về rủi ro thị trường được giám sát chặt chẽ và báo cáo hàng ngày bởi Phòng Quản lý rủi ro thị trường. Quan điểm thận trọng và luôn đảm bảo các chỉ số về rủi ro thị trường tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đối tác và các hạn mức nội bộ ở mức an toàn và hiệu quả.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Chiến lược tự doanh của VIB được xây dựng theo hướng đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN, giảm thiểu rủi ro tối đa cho ngân hàng. Do vậy các hạn mức tự doanh thông thường được thiết lập linh hoạt theo dự báo xu hướng biến động của thị

trường cũng như định hướng ưu tiên của ngân hàng theo từng thời kỳ, tuy nhiên luôn chặt chẽ hơn mức quy định của NHNN.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30/06/2021: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và danh mục kinh doanh hoán đổi ngoại hối.

6.2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối, theo quy định tại Thông tư 41, chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng trạng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng. Tại thời điểm 30/06/2021, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng tại VIB nhỏ hơn 2% vốn tự có, do vậy vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối bằng 0.

	30/06/2021	31/12/2020	Thay đổi
	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường			
Tổng	178	29	149
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	178	29	149
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-	-

THÔNG TIN CHUNG VỀ VIB

7

Giới thiệu và định hướng quản trị rủi ro

7.1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2021, sau gần 25 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt hơn 21.000 tỷ đồng. VIB hiện có trên 10.300 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 166 đơn vị kinh doanh bao gồm Hội sở chính chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/ thành phố trọng điểm trong cả nước.

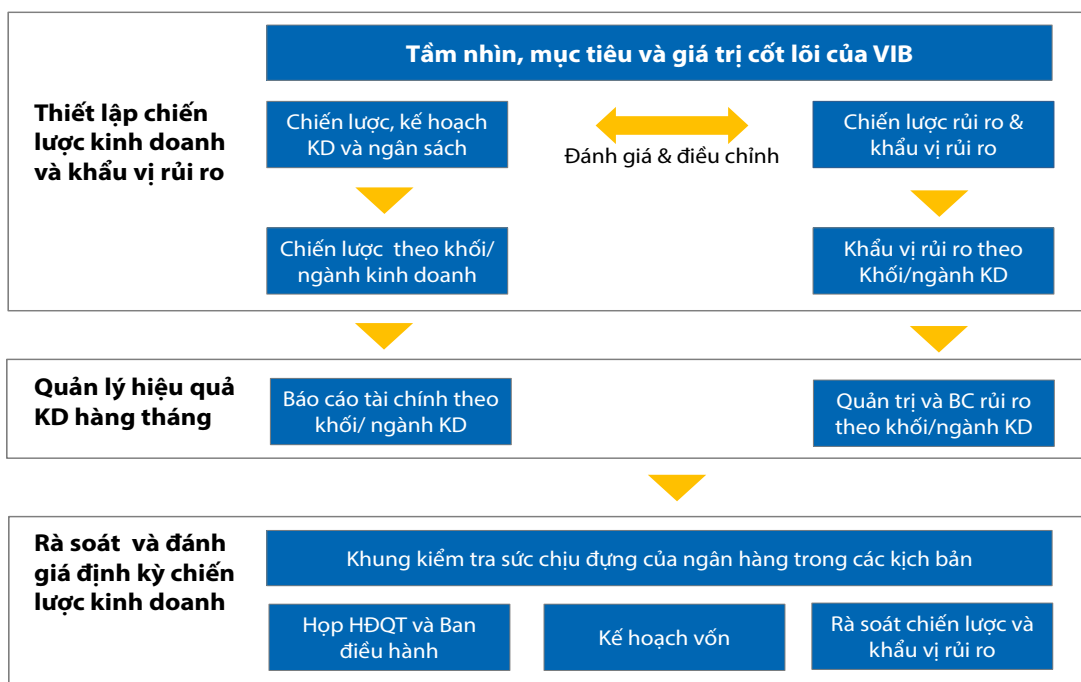
VIB có cơ cấu điều hành lành mạnh và áp dụng các chuẩn mực về quản lý rủi ro, là Ngân hàng tư nhân đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II ở Việt Nam, và là 1 trong 5 ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam không còn dư trái phiếu VAMC.

VIB có thị phần số 1 cho vay mua ô tô kể từ năm 2017; Số 1 về tăng trưởng cho vay bán lẻ; Số 1 về chi tiêu thẻ tại Việt Nam năm 2019 theo ghi nhận của Mastercard; và số 1 về doanh số Banca toàn quốc.

7.2. Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.



VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro

thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

và rủi ro tuân thủ. Trong đó Chính sách chú trọng đưa ra các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro quy định chi tiết về tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chiến lược quản lý đối với từng loại rủi ro của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định cụ thể chiến lược và hạn mức tín dụng theo từng Khối kinh doanh, chi tiết định hướng những ngành nghề ưu tiên/ hạn chế và các giới hạn cấp tín dụng theo sản phẩm vay, khách hàng hoặc nhóm khách hàng và theo loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột của Basel II

VIB đã hoàn thành trụ cột 1 – Tỷ lệ an toàn vốn và trụ cột 3 – Công bố thông tin theo yêu cầu của Thông tư 41/2016/TT-NHNN từ năm 2018, là 1 trong 2 ngân hàng thương mại đầu tiên được NHNN cho phép áp dụng sớm hơn 1 năm so với ngày hiệu lực (từ 1/1/2019). Trong năm 2019, VIB đã tập trung hoàn thành nội dung chính của trụ cột 2 của Basel II - Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) với sự hỗ trợ tư vấn của PricewaterhouseCoopers (PWC). Tháng 12/2019, VIB là ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành cả ba trụ cột của Basel II và thực hiện triển khai đánh giá ICAAP sớm hơn 1 năm so với thời hạn yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Ngân hàng đã phối hợp với công ty tư vấn uy tín (PwC) để nghiên cứu các mô hình và phương pháp tính toán ICAAP đã triển khai tại các ngân hàng có quy mô tương tự trong khu vực Đông Nam Á, từ đó áp dụng xây dựng quy trình và hoàn thiện phương pháp đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp với ngân hàng.

VIB đã tập trung nhận diện các hoạt động trọng yếu thông qua các nguyên tắc định lượng dựa trên các chỉ số tài chính (lợi nhuận trước thuế, tổng thu nhập hoạt động, tổng chi phí hoạt động, tổng tài sản có rủi ro) và các nguyên tắc định tính liên quan đến chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro và các chính sách hạn chế kinh doanh của ngân hàng.

Đồng thời, VIB cũng thực hiện xác định rõ các loại rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tuân thủ. Kết quả nhận diện các rủi ro trọng yếu dựa trên đánh giá tác động của rủi ro đến từng hoạt động kinh doanh trọng yếu theo các tiêu chí tài chính và phi tài chính, đồng thời đánh giá hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro để xác định rủi ro còn tồn tại của Ngân hàng để làm nền tảng đầy đủ cho công tác quản trị ngân hàng và thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, VIB thực hiện quy trình đánh giá mức độ đủ vốn nội bộ bao gồm 6 bước:

- Kiểm tra sức chịu đựng về vốn
- Xác định vốn mục tiêu, vốn tự có
- Lập kế hoạch vốn
- Giám sát để quản lý vốn mục tiêu và điều chỉnh kế hoạch vốn
- Rà soát quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
- Phân bổ vốn và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh

Các dự án hoàn thành đã góp phần nâng cao năng lực quản trị vốn và lập kế hoạch, giúp ngân hàng chủ động ứng phó với các tình huống bất lợi trong quá trình kinh doanh. Việc này không chỉ có ý nghĩa tuân thủ quy định của NHNN, mà còn là một hành trình mang lại lợi thế chiến lược và thay đổi phương pháp quản trị nội bộ của VIB.

Hiện tại, VIB tiếp tục triển khai dự án đầu tư hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS) và dự án lưu trữ dữ liệu (Datamart) nhằm củng cố nền tảng dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào và dự án xây dựng mô hình rủi ro tín dụng nhằm tính toán vốn nội bộ theo phương pháp nâng cao của Basel. VIB đang trong quá trình triển khai phương pháp tính toán xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao (Basel II AIRB), với mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên áp dụng chuẩn mực AIRB vào kinh doanh và quản trị rủi ro.

Trụ cột	Hạng mục	NHNN yêu cầu	VIB đáp ứng
Trụ cột 1	Thời gian hoàn thành	01/01/2020	01/01/2019
	CAR tối thiểu	8,0%	10,34%
	Sửa đổi ban hành chính sách liên quan	Yêu cầu	Đáp ứng
	Công cụ đo lường CAR chính xác	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 2	Thời gian hoàn thành	01/01/2021	01/12/2019
	Quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 3	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn	Yêu cầu	Đáp ứng



Tổng Giám đốc

Hàn Ngọc Vũ